

(số liệu từ ngày 30/12/2025 đến 30/6/2026)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Chủ khoản viện trợ	Bên tài trợ		Số văn bản và ngày phê duyệt	Tổng vốn (quy đổi sang USD)	Tổng vốn (triệu VNĐ)	Vốn đối ứng (triệu VNĐ)		Vốn do Chủ khoản viện trợ quản lý (triệu VNĐ)		Vốn do Bên tài trợ quản lý (C) (triệu VNĐ)		Vốn đối ứng (USD)		Vốn do Chủ khoản viện trợ quản lý (USD)		Vốn do Bên tài trợ quản lý (USD)		Xếp loại
			Tên	Quốc tịch				Thuộc NSNN	Không thuộc NSNN	Thuộc NSNN	Không thuộc NSNN	Thuộc NSNN	Không thuộc NSNN	Thuộc NSNN	Không thuộc NSNN	Thuộc NSNN	Không thuộc NSNN	Thuộc NSNN	Không thuộc NSNN	
A	B	1	2	3	4	5= 13+14+15+ 16+17+18	6= 7+8+9+10+ 11+12	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I. Phân theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (cấp 1)																				
Chương trình cải thiện điều kiện sống cho trẻ em khó khăn và thanh niên nghèo tại xã Đắk Rve		UBND huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum cũ			Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	18.265	474,890						474,890						18.265	

Biểu số: 32c.N.KTDN

TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN DÀNH CHO VIỆT NAM

- Đơn vị báo cáo: BND xã Đắk Rve
- Đơn vị nhận báo cáo: Sở Tài chính tỉnh

(số liệu từ ngày 30/12/2025 đến 30/6/2026)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Kế hoạch giải ngân năm			Giải ngân trong năm báo cáo						Lũy kế giải ngân thực tế từ đầu năm			Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân (%)
		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Tổng số	Vốn viện trợ		Vốn đối ứng		Tổng số		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Tổng số	
					Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế				
A	B	1	2	3 = 1+2	4	5	6	7	8=4+6	9=5+7	10	11	12 = 10+11	13 = 12/3
I. Phân theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (cấp 1)														
Chương trình cải thiện điều kiện sống cho trẻ em khó khăn và thanh niên nghèo tại xã Đắk Rve		474,890		474,890	474,890	474,890			474,890	474,890	474,890		474,890	100